

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 02 – 2024

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

- Ông Võ Thanh Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 705/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hà Thị G; sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn K; sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, bà Hà Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn K chung sống vợ chồng vào năm 1980 không tổ chức đám cưới cũng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông K đánh đập bà nhiều lần và ông bà đã ly thân từ cuối năm 2022. Nay bà xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn ông K.

Về con chung: Bà xác định có 04 người con chung tên: Trần Văn Đ, sinh năm 1980; Trần Hà D, sinh năm 1986, Trần Thanh S, sinh năm 1990, Trần Thị Út S, sinh năm 1992. Hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

- Đối với ông Trần Văn K, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng ông K vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Văn K đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Hà Thị G và ông Trần Văn K chung sống vợ chồng vào năm 1980 không tổ chức đám cưới cũng không đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, ông bà chung sống vợ chồng trước năm 1987 nên hôn nhân thực tế và được giải quyết theo quy định chung. Trong quá trình chung sống theo bà G trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông K đánh đập bà nhiều lần, năm 2022 bà đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, sau đó bà rút đơn khởi kiện để hòa giải, hàn gắn vợ chồng nhưng không kết quả và ông bà đã ly thân từ cuối năm 2022. Nay bà xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn ông K. Đối với ông K không đến Tòa án tham gia phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc bà G xin ly hôn. Xét thấy: Đời sống hôn nhân của ông, bà đã không còn, mâu thuẫn là có xảy ra, ông K không có biện pháp hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G, cho bà được ly hôn ông K.

[3] Về con chung: Bà xác định có 04 người con chung tên: Trần Văn Đ, sinh năm 1980; Trần Hà D, sinh năm 1986, Trần Thanh S, sinh năm 1990, Trần Thị Út S, sinh năm 1992. Hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[5] Về nợ chung: Bà G khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Tuy nhiên, bà G là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên bà không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị G về việc xin ly hôn ông Trần Văn K.

- Về con chung: Có 04 người con chung tên: Trần Văn Đ, sinh năm 1980; Trần Hà D, sinh năm 1986, Trần Thanh S, sinh năm 1990, Trần Thị Út S, sinh năm 1992. Hiện 04 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà G khai không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Hà Thị G được miễn nộp án phí theo quy định. Ngày 11/12/2023 bà G được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc giải quyết.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thu